**Phụ lục 2:**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

**TRONG DỰ THẢO THÔNG TƯ**

*(kèm theo công văn số 35/CHK-QLHĐB ngày 03/01/2025 của Cục HKVN)*

***Tên văn bản:* Thông tư sửa đổi, bổ sung một điều của Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 14/3/218 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 35/2021/TT-BGTVT ngày 17/12/2021)**

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải

**I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN**

**1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Ngày 14/3/2018, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Thông tư 10/2018/TT-BGTVT ngày 14/3/2018 về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không. Ngày 17/12/2021, Bộ trưởng Bộ GTVT đã tiếp tục ban hành Thông tư số 35/2021/TT-BGTVT ngày 17/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 10/2018/TT-BGTVT ngày 14/3/2018 về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không.

Theo các quy định này, một số chương trình đào tạo, huấn luyện nhân viên không lưu tại Phụ lục 05 của các Thông tư trên như sau:

- Huấn luyện năng định: *“2. Kiểm soát đường dài”*

- Huấn luyện chuyển loại năng định: *“1. Từ các vị trí kiểm soát không lưu về vị trí kiểm soát tiếp cận; 4. Từ các vị trí kiểm soát không lưu về vị trí kiểm soát đường dài;”.*

Tuy nhiên, với mục tiêu tổ chức huấn luyện, trang bị kiến thức, kỹ năng chuyên môn phù hợp với thực tiễn vị trí làm việc, hệ thống trang thiết bị bảo đảm hoạt động bay và công tác cung cấp dịch vụ của nhân viên không lưu trên cơ sở tuân thủ các quy định/yêu cầu của ICAO; góp phần tăng cường chất lượng huấn luyện, đào tạo nhân viên hàng không, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay nói riêng và các vấn đề mang yếu tố cấp bách, tăng cường công tác bảo đảm an toàn hàng không nói chung, Cục HKVN đề nghị điều chỉnh, làm rõ hơn tên gọi một số chương trình huấn luyện nhân viên không lưu (không thay đổi/điều chỉnh về thời lượng huấn luyện tối thiểu).

**2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

Việc xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư sửa đổi, bổ sung một điều của Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 14/3/218 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 35/2021/TT-BGTVT ngày 17/12/2021) nhằm:

2.1. Đảm bảo tuân thủ các quy định/yêu cầu của ICAO được nêu tại Phụ ước 01 về cấp phép nhân viên (Annex 1: Personnel Licensing - phiên bản thứ tư, được áp dụng từ 03/11/2022) và Tài liệu 10056 tập 1: Đào tạo và đánh giá Kiểm soát viên không lưu dựa trên năng lực (Doc 10056 Volume 1: Manual on Air Traffic Controller Competency - based Training and Assessment - phiên bản thứ hai, được áp dụng từ 03/11/2022): Chi tiết xem tại Mục 3 của công văn.

2.2. Phù hợp với tình hình thực tiễn cung cấp dịch vụ và hệ thống trang thiết bị cung cấp dịch vụ:

+ Trước đây, do hệ thống trang thiết bị còn chưa được trang bị hiện đại và đồng bộ; lưu lượng hoạt động bay chưa cao; phân cách lớn giữa các tàu bay vẫn có thể áp dụng được; năng lực vùng trời vẫn có thể đáp ứng; dịch vụ điều hành bay không sử dụng giám sát ATS được cung cấp là chủ yếu.

+ Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, do số lượng tàu bay tăng cao trong khi vùng trời vẫn giữ nguyên nên bắt buộc phải cung cấp Dịch vụ điều hành bay sử dụng giám sát ATS là chủ yếu để giảm phân cách giữa các tàu bay, nâng cao năng lực sử dụng vùng trời. Dịch vụ điều hành bay không sử dụng giám sát ATS chỉ được cung cấp trong một số trường hợp bất thường như suy giảm hệ thống trang thiết bị giám sát; và phải kết hợp với các biện pháp khác như quản lý luồng không lưu (Air Traffic Flow Management - ATFM) hoặc kiểm soát luồng không lưu (Air Traffic Flow Control - ATFC).

2.3. Phù hợp với môi trường và trang thiết bị huấn luyện, đặc biệt là phần huấn luyện thực hành, huấn luyện tại vị trí làm việc (On the job training - OJT); tăng cường chất lượng huấn luyện, đào tạo nhân viên hàng không;

2.4. Thống nhất thuật ngữ sử dụng (giám sát ATS) trong toàn Thông tư (ví dụ tại Phụ lục 03: Danh mục giấy phép, năng định nhân viên hàng không; Phụ lục 05: Chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không nhóm bảo đảm hoạt động bay);

2.5. Góp phần vào công tác bảo đảm an toàn của hàng không Việt Nam nói chung và nâng cao chất lượng dịch vụ bảo đảm hoạt động bay nói riêng.

**II. ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH CỦA THÔNG TƯ**

**Chính sách 01: Điều chỉnh tên gọi một số chương trình huấn luyện năng định, chuyển loại năng định cho đối tượng nhân viên không lưu theo các Chương trình đào tạo, huấn luyện tại Phụ lục 05**

*1) Mục tiêu của chính sách:* như tại Mục I nêu trên.

*2) Nội dung của chính sách:*

2.1. Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung tên gọi một số chương trình huấn luyện năng định, chuyển loại năng định cho đối tượng nhân viên không lưu trong các Chương trình đào tạo, huấn luyện như sau:

- Huấn luyện năng định: *“2. Kiểm soát đường dài”*

- Huấn luyện chuyển loại năng định: *“1. Từ các vị trí kiểm soát không lưu về vị trí kiểm soát tiếp cận; 4. Từ các vị trí kiểm soát không lưu về vị trí kiểm soát đường dài;”.*

2.2. Không thay đổi, điều chỉnh thời lượng huấn luyện tối thiểu đã được định lượng theo quy định hiện hành.

*3) Giải pháp thực hiện chính sách và lý do lựa chọn giải pháp:*

Giải pháp1: Giữ nguyên quy định tại Phụ lục 05.

Giải pháp2: Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung tên gọi một số chương trình huấn luyện nhân viên không lưu để đảm bảo tuân thủ các quy định/yêu cầu của ICAO; phù hợp với thực tiễn hoạt động của cơ sở điều hành bay/cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.

*4) Đánh giá tác động của các giải pháp:*

*-* Giải pháp1:

a) Tác động về kinh tế - xã hội

- Tác động tích cực:

+ Đối với nhà nước: việc giữ nguyên quy định hiện hành không đem lại hiệu quả tích cực do không làm thay đổi cơ chế quản lý.

+ Đối với doanh nghiệp: các lợi ích kinh tế đem lại cho nhân viên hàng không, doanh nghiệp vẫn giữ nguyên như hiện nay do các chính sách này không tạo nên những đột phá trong việc thay đổi và nâng cao hiệu lực, hiệu quả về quản lý nhà nước chuyên ngành hàng không dân dụng.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với nhà nước: Cục HKVN là cơ quan thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không, tuy nhiên sự chưa cập nhật giữa tên một số chương trình huấn luyện với thực tiễn tại vị trí việc làm chuyên môn của nhóm nhân viên không lưu, dẫn đến hiệu quả quản lý nhà nước chưa được đồng bộ.

+ Đối với người dân: các đối tượng nhân viên không lưu có vị trí việc làm chuyên môn đã được doanh nghiệp/cơ sở điều hành bay phân loại/xác định tương ứng với hoạt động khai thác thực tế nhưng tham gia các chương trình huấn luyện với tên gọi chưa tương ứng.

+ Đối với doanh nghiệp: tương tự như đối với tác động tiêu cực/ảnh hưởng với nhân viên hàng không - việc giữ nguyên quy định hiện hành không phù hợp với hoạt động khai thác/cung cấp dịch vụ điều hành bay và thực tế hoạt động hiện nay của doanh nghiệp.

b) Tác động về giới: việc giữ nguyên chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không phân biệt về giới.

c) Tác động của thủ tục hành chính: chính sách không làm phát sinh thủ tục hành chính mới nên không ảnh hưởng đến chi phí của doanh nghiệp, cá nhân.

d) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Các quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp được đảm bảo, giữ nguyên theo quy định.

- Tác động tới các quy định của pháp luật: chưa cập nhật kịp thời với thực tế để đảm bảo thực thi đồng bộ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng không dân dụng.

*- Giải pháp 2:*

a) Tác động về kinh tế - xã hội

- Tác động tích cực:

+ Đối với nhà nước: không phát sinh các tác động lớn về tài chính, ngân sách cho các hoạt động quản lý nhà nước về hàng không dân dụng vì vẫn sử dụng nguồn nhân lực hiện có của Cục Hàng không Việt Nam. Tiếp tục bảo đảm hiệu lực và thực hiện có hiệu quả về quản lý nhà nước đối với công tác đào tạo, huấn luyện nhân viên hàng không nhóm bảo đảm hoạt động bay (nhân viên không lưu).

+ Đối với doanh nghiệp: các hoạt động thực tiễn của doanh nghiệp, việc bố trí/sắp xếp vị trí việc làm chuyên môn của nhân viên không lưu tại các cơ sở điều hành bay được cập nhật/điều chỉnh kịp thời; tăng cường trang bị kiến thức, kỹ năng chuyên môn phù hợp với thực tiễn vị trí làm việc của nhân viên không lưu trên cơ sở tuân thủ các quy định/yêu cầu của ICAO; góp phần tăng cường chất lượng huấn luyện, đào tạo nhân viên hàng không và nâng cao chất lượng dịch vụ bảo đảm hoạt động bay nói riêng.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với nhà nước: không có tác động tiêu cực đối với hoạt động quản lý nhà nước vì trách nhiệm quản lý, kiểm tra và giám sát vẫn được duy trì và triển khai.

+ Đối với người dân: không.

+ Đối với doanh nghiệp: không.

b) Tác động về giới: chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không phân biệt.

c) Tác động của thủ tục hành chính: các chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới cho doanh nghiệp.

d) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Chính sách không làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của công dân theo quy định của Hiến pháp.

- Tác động tới các quy định của pháp luật: đảm bảo đầy đủ các quy định để đảm bảo thực thi hiệu quả công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng không dân dụng.

*e) Lý do lựa chọn giải pháp:*

- Trên cơ sở đánh giá tính khả thi của phương án điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung tên vị trí việc làm chuyên môn của các nhân viên không lưu để phù hợp với thực tiễn hoạt động của cơ sở điều hành bay/cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay:

+ Khả năng đảm bảo về tài chính: doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay chủ động, linh hoạt sử dụng nguồn vốn của mình trang bị kiến thức, kỹ năng chuyên môn phù hợp với thực tiễn vị trí làm việc của nhân viên không lưu.

+ Khả năng đảm bảo về nguồn nhân lực có đủ chuyên môn, nghiệp vụ: Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ hàng không; Cục Hàng không Việt Nam – Nhà chức trách hàng không có đủ nguồn nhân lực hiện có thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không.

+ Không làm phát sinh các thủ tục hành chính tác động tới người dân, doanh nghiệp.

Từ những phân tích, so sánh tác động của từng giải pháp cho thấy lựa chọn ***Giải pháp 2*** làgiải pháp tối ưu; giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh trong thực tiễn mang yếu tố cấp bách trong công tác bảo đảm an toàn hàng không.

**Chính sách 02: Bổ sung phần chú thích đối với một số chương trình huấn luyện chuyển loại năng định tại mục 4 Phần C Phụ lục 5**

*1) Mục tiêu của chính sách:* như tại mục I nêu trên.

*2) Nội dung của chính sách:*

Bổ sung phần chú thích như sau:

*Ghi chú:*

- Đối với nhân viên không lưu chuyển loại từ các vị trí kiểm soát không lưu sang vị trí kiểm soát tiếp cận giám sát ATS:

*+ Huấn luyện chương trình tại số thứ tự 01 Mục 4 Phần C Phụ lục 05: Huấn luyện lý thuyết và thực hành, sau đó ôn tập và kiểm tra; không thực tập tại vị trí làm việc (OJT) do hiện tại không có môi trường thực tập OJT; không yêu cầu năng định kiểm soát tiếp cận không có giám sát ATS;*

*+ Tiếp tục huấn luyện chuyển loại sang vị trí kiểm soát tiếp cận giám sát ATS tại số thứ tự 02 Mục 4 Phần C Phụ lục 05), sau đó tham dự sát hạch năng định kiểm soát tiếp cận giám sát ATS.*

- Đối với nhân viên không lưu chuyển loại từ các vị trí kiểm soát không lưu sang vị trí kiểm soát đường dài giám sát ATS:

*+ Huấn luyện chương trình tại số thứ tự 04 Mục 4 Phần C Phụ lục 05: Huấn luyện lý thuyết và thực hành, sau đó ôn tập và kiểm tra; không thực tập tại vị trí làm việc (OJT) do hiện tại không có môi trường thực tập OJT; không yêu cầu năng định kiểm soát đường dài không có giám sát ATS;*

*+ Tiếp tục huấn luyện chuyển loại sang vị trí kiểm soát đường dài giám sát ATS (số thứ tự 05 Mục 4 Phần C Phụ lục 05), sau đó tham dự sát hạch năng định kiểm soát đường dài giám sát ATS.*

*3) Giải pháp thực hiện chính sách và lý do lựa chọn giải pháp:*

Giải pháp1: Giữ nguyên quy định tại Phụ lục 05.

Giải pháp2: Bổ sung phần chú thích đối với một số chương trình huấn luyện chuyển loại năng định phù hợp với thực tiễn hoạt động của cơ sở điều hành bay/cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.

*4) Đánh giá tác động của các giải pháp:*

*-* Giải pháp1:

a) Tác động về kinh tế - xã hội

- Tác động tích cực:

+ Đối với nhà nước: việc giữ nguyên quy định hiện hành không đem lại hiệu quả tích cực do không làm thay đổi cơ chế quản lý.

+ Đối với doanh nghiệp: các lợi ích kinh tế đem lại cho nhân viên hàng không, doanh nghiệp vẫn giữ nguyên như hiện nay do các chính sách này không tạo nên những đột phá trong việc thay đổi và nâng cao hiệu lực, hiệu quả về quản lý nhà nước chuyên ngành hàng không dân dụng.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với nhà nước: Cục HKVN là cơ quan thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không, tuy nhiên chưa cập nhật chương trình phù hợp với thực tiễn tại vị trí việc làm chuyên môn của nhóm nhân viên không lưu, dẫn đến hiệu quả quản lý nhà nước chưa được đồng bộ.

+ Đối với người dân: Các đối tượng Nhân viên không lưu chuyển loại từ các vị trí kiểm soát không lưu sang vị trí kiểm soát tiếp cận giám sát ATS và Nhân viên không lưu chuyển loại từ các vị trí kiểm soát không lưu sang vị trí kiểm soát đường dài giám sát ATS thì không thể thực tập tại vị trí làm việc (OJT) tại vị trí Kiểm soát tiếp cận không giám sát và vị trí Kiểm soát đường dài không giám sát do không có môi trường để thực tập OJT.

+ Đối với doanh nghiệp: Tương tự như đối với tác động tiêu cực/ảnh hưởng với nhân viên hàng không - việc giữ nguyên quy định hiện hành không phù hợp với hoạt động khai thác/cung cấp dịch vụ điều hành bay và thực tế hoạt động hiện nay của doanh nghiệp.

b) Tác động về giới: việc giữ nguyên chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không phân biệt về giới.

c) Tác động của thủ tục hành chính: chính sách không làm phát sinh thủ tục hành chính mới nên không ảnh hưởng đến chi phí của doanh nghiệp, cá nhân.

d) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Các quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp được đảm bảo, giữ nguyên theo quy định.

- Tác động tới các quy định của pháp luật: Chưa cập nhật kịp thời với thực tế để đảm bảo thực thi đồng bộ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng không dân dụng.

*- Giải pháp 2:*

a) Tác động về kinh tế - xã hội

- Tác động tích cực:

+ Đối với nhà nước: Không phát sinh các tác động lớn về tài chính, ngân sách cho các hoạt động quản lý nhà nước về hàng không dân dụng vì vẫn sử dụng nguồn nhân lực hiện có của Cục Hàng không Việt Nam. Tiếp tục bảo đảm hiệu lực và thực hiện có hiệu quả về quản lý nhà nước đối với công tác đào tạo, huấn luyện nhân viên hàng không nhóm bảo đảm hoạt động bay (nhân viên không lưu).

+ Đối với doanh nghiệp: các hoạt động thực tiễn của doanh nghiệp, việc bố trí/sắp xếp vị trí việc làm chuyên môn của nhân viên không lưu tại các cơ sở điều hành bay được cập nhật/điều chỉnh kịp thời; tăng cường trang bị kiến thức, kỹ năng chuyên môn phù hợp với thực tiễn vị trí làm việc của nhân viên không lưu trên cơ sở tuân thủ các quy định/yêu cầu của ICAO; góp phần tăng cường chất lượng huấn luyện, đào tạo nhân viên hàng không và nâng cao chất lượng dịch vụ bảo đảm hoạt động bay nói riêng.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với nhà nước: không có tác động tiêu cực đối với hoạt động quản lý nhà nước vì trách nhiệm quản lý, kiểm tra và giám sát vẫn được duy trì và triển khai.

+ Đối với người dân: không.

+ Đối với doanh nghiệp: không.

b) Tác động về giới: chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không phân biệt.

c) Tác động của thủ tục hành chính: các chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới cho doanh nghiệp.

d) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Chính sách không làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của công dân theo quy định của Hiến pháp.

- Tác động tới các quy định của pháp luật: đảm bảo đầy đủ các quy định để đảm bảo thực thi hiệu quả công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng không dân dụng.

*e) Lý do lựa chọn giải pháp:*

- Trên cơ sở đánh giá tính khả thi của phương án bổ sung phần chú thích đối với một số chương trình huấn luyện chuyển loại năng định để phù hợp với thực tiễn hoạt động của cơ sở điều hành bay/cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay:

+ Khả năng đảm bảo về tài chính: doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay chủ động, linh hoạt sử dụng nguồn vốn của mình trang bị kiến thức, kỹ năng chuyên môn phù hợp với thực tiễn vị trí làm việc của nhân viên không lưu.

+ Khả năng đảm bảo về nguồn nhân lực có đủ chuyên môn, nghiệp vụ: Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ hàng không; Cục Hàng không Việt Nam – Nhà chức trách hàng không có đủ nguồn nhân lực hiện có thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không.

+ Không làm phát sinh các thủ tục hành chính tác động tới người dân, doanh nghiệp.

Từ những phân tích, so sánh tác động của từng giải pháp cho thấy lựa chọn ***Giải pháp 2*** làgiải pháp tối ưu; giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh trong thực tiễn mang yếu tố cấp bách trong công tác bảo đảm an toàn hàng không.

**III. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách: Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng không Việt Nam, Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam.

Cơ quan giám sát thực hiện chính sách: Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng không Việt Nam.

Cục Hàng không Việt Nam trân trọng báo cáo./.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phụ lục 3: Bản tổng hợp ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản**  *(kèm theo công văn số 35/CHK-QLHĐB ngày 03/01/2025 của Cục HKVN)* | | | |
| **STT** | **Cơ quan, đơn vị**  **góp ý kiến** | **Nội dung góp ý kiến** | **Tiếp thu, giải trình của**  **Cơ quan chủ trì soạn thảo (Cục HKVN)** |
| **1.** | **Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam**  *(Văn bản số 8173/QLB-VPTCT ngày 04/12/2024)* | Đề nghị xây dựng Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT quy định về nhân viên hàng không;đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 35/2021/TT-BGTVT), cụ thể về một số nội dung chương trình đào tạo, huấn luyện của Phụ lục số 05 quy định về chương trình nhân viên hàng không, đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không - áp dụng đối với nhân viên không lưu *(kiểm soát viên không lưu làm việc tại các cơ sở kiểm soát tại sân bay, tiếp cận, đường dài)* như sau: | 1. Vì đây là Thông tư sửa đổi, bổ sung, do đó Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Thông tư này giữ nguyên như quy định tại Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT. Do đó dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung không có điều quy định về Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.  2. Tiếp thu ý kiến góp ý của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam về nội dung sửa đổi, bổ sung, Cục HKVN sẽ soạn thảo dự thảo. |
| **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:**  1. Phạm vi điều chỉnh:  Thông tư này quy định về nhân viên hàng không và công tác đào tạo, huấn luyện, sát hạch nhân viên hàng không nhóm bảo đảm hoạt động bay (nhân viên không lưu).  2. Đối tượng áp dụng:  Thông tư này áp dụng đối với:  a) Nhân viên huấn luyện năng định:  Học viên cần đáp ứng điều kiện tham gia kỳ sát hạch để được cấp phép, năng định tại vị trí công việc chuyên môn kiểm soát đường dài không có giám sát ATS/giám sát ATS.  b) Nhân viên không lưu chuyển loại năng định:  - Từ các vị trí kiểm soát không lưu về vị trí kiểm soát tiếp cận không có giám sát ATS;  - Từ vị trí kiểm soát tiếp cận không có giám sát ATS sang vị trí kiểm soát tiếp cận giám sát ATS;  - Từ các vị trí kiểm soát không lưu về vị trí kiểm soát đường dài không có giám sát ATS;  - Từ vị trí kiểm soát đường dài không có giám sát ATS sang vị trí kiểm soát đường dài giám sát ATS.  c) Các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không nhóm bảo đảm hoạt động bay. |
| **Điều 2.** **Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư 35/2021/TT-BGTVT ngày 17/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 10/2018/TT-BGTVT ngày 14/3/2018 về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không như sau:**  1. Sửa đổi, bổ sung số thứ tự 02 tại mục 4 Phần B Chương trình huấn luyện năng định của Phụ lục 05:   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Số TT** | **Nội dung** | **Thời lượng**  **tối thiểu (tiết)** | **Trong đó** | | | **Ôn tập, kiểm tra** | | **Lý thuyết** | **Thực hành** | **OJT** | | **I** | **Nhân viên không lưu** |  |  |  |  |  | | 2 | Kiểm soát đường dài không có giám sát ATS/giám sát ATS | 1600 | 320 | 640 | 560 | 80 |   2. Sửa đổi, bổ sung số thứ tự 01, 02, 04 và 05; bổ sung phần chú thích nhằm làm rõ một số chương trình huấn luyện chuyển loại năng định tại mục 4 Phần C Chương trình huấn luyện chuyển loại năng định của Phụ lục 05:   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Số TT** | **Nội dung** | **Thời lượng**  **tối thiểu (tiết)** | **Trong đó** | | | **Ôn tập, kiểm tra** | | **Lý thuyết** | **Thực hành** | **OJT** | | **I** | **Nhân viên không lưu** |  |  |  |  |  | | 1 | Từ các vị trí kiểm soát không lưu về vị trí kiểm soát tiếp cận không có giám sát ATS | 355 | 95 | 160 | 90 | 10 | | 2 | Từ vị trí kiểm soát tiếp cận không có giám sát ATS sang vị trí kiểm soát tiếp cận giám sát ATS | 220 | 40 | 80 | 90 | 10 | | 4 | Từ các vị trí kiểm soát không lưu về vị trí kiểm soát đường dài không có giám sát ATS | 390 | 80 | 120 | 180 | 10 | | 5 | Từ vị trí kiểm soát đường dài không có giám sát ATS sang vị trí kiểm soát đường dài giám sát ATS | 220 | 40 | 80 | 90 | 10 |   *Ghi chú:*  - Đối với nhân viên không lưu chuyển loại từ các vị trí kiểm soát không lưu sang vị trí kiểm soát tiếp cận giám sát ATS:  *+ Huấn luyện chương trình tại số thứ tự 01 Mục 4 Phần C Phụ lục 05: Huấn luyện lý thuyết và thực hành, sau đó ôn tập và kiểm tra; không thực tập tại vị trí làm việc (OJT) do hiện tại không có môi trường thực tập OJT; không yêu cầu năng định kiểm soát tiếp cận không có giám sát ATS;*  *+ Tiếp tục huấn luyện chuyển loại sang vị trí kiểm soát tiếp cận giám sát ATS tại số thứ tự 02 Mục 4 Phần C Phụ lục 05), sau đó tham dự sát hạch năng định kiểm soát tiếp cận giám sát ATS.*  - Đối với nhân viên không lưu chuyển loại từ các vị trí kiểm soát không lưu sang vị trí kiểm soát đường dài giám sát ATS:  *+ Huấn luyện chương trình tại số thứ tự 04 Mục 4 Phần C Phụ lục 05: Huấn luyện lý thuyết và thực hành, sau đó ôn tập và kiểm tra; không thực tập tại vị trí làm việc (OJT) do hiện tại không có môi trường thực tập OJT; không yêu cầu năng định kiểm soát đường dài không có giám sát ATS;*  *+ Tiếp tục huấn luyện chuyển loại sang vị trí kiểm soát đường dài giám sát ATS (số thứ tự 05 Mục 4 Phần C Phụ lục 05), sau đó tham dự sát hạch năng định kiểm soát đường dài giám sát ATS.* | Cục HKVN tiếp thu và soạn thảo dự thảo. |
| **2.** | **Cơ quan Cục HKVN** |  |  |
| 2.1 | Phòng Pháp chế - Hợp tác quốc tế  *(VB số 338/PC-HTQT ngày 31/12/2024 góp ý Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 10/2018/TTBGTVT quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 35/2021/TT-BGTVT)* | Nhất trí với dự thảo Thông tư. | Cục HKVN tiếp thu |
| 2.2 | Thanh tra Hàng không  *(Văn bản số 343/TTHK ngày 31/12/2024 góp ý Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 10/2018/TTBGTVT quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 35/2021/TT-BGTVT)* | Nhất trí với dự thảo Thông tư. | Cục HKVN tiếp thu |
| 2.3 | Phòng Tổ chức cán bộ  *(Văn bản số 290/TCCB ngày 31/12/2024 góp ý Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 10/2018/TTBGTVT quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 35/2021/TT-BGTVT)* | 1. Thống nhất với đề nghị sửa đổi, bổ sung Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 35/2021/TT-BGTVT)  2. Đề nghị phòng Quản lý hoạt động bay rà soát, báo cáo Lãnh đạo Cục HKVN những nội dung cần sửa đổi, bổ sung Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 35/2021/TT-BGTVT) theo ý kiến của Thanh tra Bộ GTVT. | 1: Đã thống nhất tiếp thu đề nghị sửa đổi, bổ sung Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT để giải quyết ngay nội dung về đào tạo nhân viên không lưu.  2: Cục HKVN sẽ sửa đổi tổng thể Thông tư 10/2018/TT-BGTVT (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 35/2021/TT-BGTVT) theo kết luận Thanh tra Bộ GTVT. |

**Phụ lục 4: Bảng so sánh nội dung quy định của các Thông tư hiện hành và dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung**

*(kèm theo công văn số 35/CHK-QLHĐB ngày 03/01/2025 của Cục HKVN)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thông tư 10/2018/TT-BGTVT và Thông tư số 35/2021/TT-BGTVT** | | | | | | | | **Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung** | | | | | | |
| **B. CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN NĂNG ĐỊNH** | | | | | | | | **B. CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN NĂNG ĐỊNH** | | | | | | |
| **STT** | **Nội dung** | **Thời lượng tối thiểu**  **(Tiết)** | **Trong đó** | | | | **Ôn tập kiểm tra** | **STT** | **Nội dung** | **Thời lượng tối thiểu**  **(Tiết)** | **Trong đó** | | | **Ôn tập kiểm tra** |
| **Thực hành** | **Lý thuyết** | | **OJT** | **Thực hành** | **Lý thuyết** | **OJT** |
| **I** | **Nhân viên không lưu** |  |  |  | |  |  | **I** | **Nhân viên không lưu** |  |  |  |  |  |
| 2 | Kiểm soát đường dài | 1600 | 320 | 640 | | 560 | 80 | 2 | Kiểm soát đường dài không có giám sát ATS/có giám sát ATS | 1600 | 320 | 640 | 560 | 80 |
| **C. CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN CHUYỂN LOẠI NĂNG ĐỊNH** | | | | | | | | **C. CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN CHUYỂN LOẠI NĂNG ĐỊNH** | | | | | | |
| **STT** | **Nội dung** | **Thời lượng tối thiểu**  **(Tiết)** | **Trong đó** | | | | **Ôn tập kiểm tra** | **STT** | **Nội dung** | **Thời lượng tối thiểu**  **(Tiết)** | **Trong đó** | | | **Ôn tập kiểm tra** |
| **Thực hành** | | **Lý thuyết** | **OJT** | **Thực hành** | **Lý thuyết** | **OJT** |
| **I** | **Nhân viên không lưu** |  |  | |  |  |  | **I** | **Nhân viên không lưu** |  |  |  |  |  |
| 1 | Từ các vị trí kiểm soát không lưu về vị trí kiểm soát tiếp cận | 355 | 95 | | 160 | 90 | 10 | 1 | Từ các vị trí kiểm soát không lưu về vị trí kiểm soát tiếp cận không có giám sát ATS | 355 | 95 | 160 | 90 | 10 |
| **Thông tư 10/2018/TT-BGTVT và Thông tư số 35/2021/TT-BGTVT** | | | | | | | | **Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung** | | | | | | |
| 2 | Từ vị trí kiểm soát tiếp cận không có giám sát ATS sang vị trí kiểm soát tiếp cận giám sát ATS | 220 | 40 | | 80 | 90 | 10 | 2 | Từ vị trí kiểm soát tiếp cận không có giám sát ATS sang vị trí kiểm soát tiếp cận giám sát ATS | 220 | 40 | 80 | 90 | 10 |
| 4 | Từ các vị trí kiểm soát không lưu về vị trí kiểm soát đường dài | 390 | 80 | | 120 | 180 | 10 | 4 | Từ các vị trí kiểm soát không lưu về vị trí kiểm soát đường dài không có giám sát ATS | 390 | 80 | 120 | 180 | 10 |
| 5 | Từ vị trí kiểm soát đường dài không có giám sát ATS sang vị trí kiểm soát đường dài giám sát ATS | 220 | 40 | | 80 | 90 | 10 | 5 | Từ vị trí kiểm soát đường dài không có giám sát ATS sang vị trí kiểm soát đường dài giám sát ATS | 220 | 40 | 80 | 90 | 10 |
|  | | | | | | | | | *Ghi chú:*  - Đối với nhân viên không lưu chuyển loại từ các vị trí kiểm soát không lưu sang vị trí kiểm soát tiếp cận giám sát ATS:  *+ Huấn luyện chương trình tại số thứ tự 01 Mục 4 Phần C Phụ lục 05: Huấn luyện lý thuyết và thực hành, sau đó ôn tập và kiểm tra; không thực tập tại vị trí làm việc (OJT) do hiện tại không có môi trường thực tập OJT; không yêu cầu năng định kiểm soát tiếp cận không có giám sát ATS;*  *+ Tiếp tục huấn luyện chuyển loại sang vị trí kiểm soát tiếp cận giám sát ATS tại số thứ tự 02 Mục 4 Phần C Phụ lục 05, sau đó tham dự sát hạch năng định kiểm soát tiếp cận giám sát ATS.*  - Đối với nhân viên không lưu chuyển loại từ các vị trí kiểm soát không lưu sang vị trí kiểm soát đường dài giám sát ATS:  *+ Huấn luyện chương trình tại số thứ tự 04 Mục 4 Phần C Phụ lục 05: Huấn luyện lý thuyết và thực hành, sau đó ôn tập và kiểm tra; không thực tập tại vị trí làm việc (OJT) do hiện tại không có môi trường thực tập OJT; không yêu cầu năng định kiểm soát đường dài không có giám sát ATS;*  *+ Tiếp tục huấn luyện chuyển loại sang vị trí kiểm soát đường dài giám sát ATS tại số thứ tự 05 Mục 4 Phần C Phụ lục 05, sau đó tham dự sát hạch năng định kiểm soát đường dài giám sát ATS.* | | | | | |